

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 15-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Tuyền

Bà Vũ Thị Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2024/TLST - HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc V; Sinh năm 1993 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty cổ phần T2**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Phạm Văn T**, sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1966; Vợ: **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 2000; Con: Có 01 con, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2024 cho đến nay (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Cục thuế tỉnh L**; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Văn D** - Phó Cục trưởng **Cục thuế tỉnh L** - Trú tại: **Tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu** (Có mặt).

2. **Công ty cổ phần T2**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Thanh B**, sinh năm 1988 - Trú tại: **B chung cư M, số B L, phường N, quận L, thành phố Hà Nội** (Vắng mặt).

3. Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1997 - Trú tại: **Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Có mặt).

4. Ông **Nguyễn Khắc M1**, sinh năm 1989 - Trú tại: **Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà **Đinh Thị D1**, sinh năm 1983 - Trú tại: **Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).
2. Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1981 - Trú tại: **Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).
3. Ông **Vũ Đình T1**, sinh năm 2002 - Trú tại: **Tổ dân phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).
4. Ông **Nguyễn Viết M2**, sinh năm 1993 - Trú tại: **Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: **Công ty cổ phần T2** (viết tắt là **Công ty T2**) được phòng đăng ký kinh doanh thuộc **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17/11/2021, trụ sở tại **tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu**, mã số **doanh nghiệp F**, vốn điều lệ 25.000.000.000 đồng. Công ty bao gồm 04 cổ đông góp vốn, trong đó: **Công ty cổ phần T3** góp 12.750.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ (người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là ông **Vũ Thanh B** - Phó Chủ tịch hội đồng quản trị **Công ty cổ phần T3**); **Vũ Thanh B** góp 4.875.000.000 đồng, chiếm 19,5% vốn điều lệ; **Phạm Ngọc V** góp 4.875.000.000 đồng, chiếm 19,5% vốn điều lệ; **Nguyễn Viết P1** góp 2.500.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. **Công ty T2** do **Vũ Thanh B** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, **Phạm Ngọc V** là Giám đốc trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Theo giấy phép kinh doanh, **Công ty T2** kinh doanh đa ngành nghề như: Các dịch vụ siêu thị, bể bơi, nhà hàng, cà phê, sân bóng đá nhân tạo, nhà nghỉ... **Phạm Ngọc V** giao nhiệm vụ cho các tổ trưởng phụ trách lĩnh vực kinh doanh, trong đó: **Đinh Thị D1** phụ trách dịch vụ nhà nghỉ và dịch vụ ăn uống, **Nguyễn Hữu N** phụ trách dịch vụ bể bơi, **Vũ Đình T1** phụ trách dịch vụ cà phê, **Nguyễn Viết M2** phụ trách dịch vụ sân bóng đá nhân tạo. Hằng ngày, các tổ trưởng báo cáo số liệu phát sinh thu, chi trong ngày rồi nộp tiền kèm theo phiếu bán hàng về cho thủ quỹ **Vũ Thị H**, **H** giữ lại tiền nhập vào quỹ Công ty, đồng thời báo cáo và chuyển **Phạm Ngọc V** các phiếu bán hàng để **V** nắm, từ đó **V** chuyển các phiếu thu và chỉ đạo kế toán Công ty là **Nguyễn Khắc M1** thực hiện hạch toán kê khai thuế theo quy định.

Tuy nhiên, trong năm 2022 với mục đích trốn thuế nên sau khi nhận các phiếu bán hàng do thủ quỹ **Vũ Thị H** chuyển đến, **Phạm Ngọc V** không chuyển đầy đủ các phiếu thu đến kế toán để xuất hóa đơn kê khai quyết toán thuế theo quy định mà tự ý giữ lại, để ngoài sổ sách kế toán một phần doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ nhằm

mục đích trốn thuế với tổng số tiền đề ngoài sổ sách là 1.741.392.877 đồng, gồm: Dịch vụ sân bóng đá nhân tạo 319.355.000 đồng, dịch vụ nhà nghỉ 389.689.877 đồng, dịch vụ bể bơi 61.472.000 đồng, dịch vụ cà phê 970.876.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an tỉnh L đã thu thập các hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ liên quan và tiến hành trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 140/KL-GĐV ngày 20/02/2024 của Cục thuế tỉnh L kết luận: Hành vi của Công ty cổ phần T2 “Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp” là hành vi trốn thuế; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp tăng thêm qua giám định là 158.308.443 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Đối với chứng từ doanh thu cà phê, sân bóng nhân tạo, nhà nghỉ của Công ty T2 năm 2022; chứng từ doanh thu bể bơi tháng 4, 5, 6/2022 của Công ty T2; báo cáo tài chính năm 2022; tổng hợp tờ khai thuế mà Cơ quan điều tra thu giữ là những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với số tiền 158.308.443 đồng là tiền bị cáo nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục thuế tỉnh L tại phiên tòa trình bày: Cục thuế tỉnh L thực hiện việc thu thuế trên cơ sở báo cáo, kê khai thuế của Công ty T2. Khi cơ quan điều tra Công an tỉnh L phát hiện Công ty T2 có hành vi trốn thuế năm 2022 thì Cục thuế tỉnh Lai Châu mới biết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng của Công ty T2.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T2 trong quá trình điều tra trình bày: Ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty T2 nhưng không sinh sống và làm việc tại Lai Châu nên toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty giao cho Giám đốc là Phạm Ngọc V trực tiếp quản lý, điều hành, V là người phân công, bố trí nhân sự của Công ty, việc V đề ngoài sổ sách một phần doanh thu nhằm mục đích trốn thuế ông và những người trong Công ty không nắm được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Năm 2022, bà được Giám đốc Công ty là Phạm Ngọc V giao làm thủ quỹ của Công ty T2, nhiệm vụ nhận các phiếu bán hàng và số tiền thu được của các tổ trưởng chuyển đến, đối chiếu kiểm tra số tiền do tổ trưởng giao lại đúng theo phiếu thì H nhận và báo cáo số liệu cho V, đến cuối tháng H chuyển lại cho V toàn bộ phiếu bán hàng, còn việc sử dụng các phiếu bán hàng đó như thế nào thì H không biết. Đối với số tiền thu được, H giữ để nhập hàng hóa, nguyên liệu đầu vào (gồm cả tiền vốn mua nguyên liệu đầu vào như: cà phê, hoa quả, nước, chổi lau sàn.....được thể hiện trong phiếu bán hàng và cung cấp dịch vụ), trả tiền điện, nước, sửa chữa các dịch vụ, tri ân khách hàng...Các khoản chi này H không lập biểu thống kê hay ghi chép lại nên không nhớ cụ thể, H không tham gia hạch toán doanh thu vì

bản thân không có nghiệp vụ và không được V giao. H không biết và không ai chỉ đạo để ngoài sổ sách kế toán một phần doanh thu các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, cà phê, sân bóng đá nhân tạo, bể bơi nhằm mục đích trốn thuế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc M1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Năm 2022, M1 là kế toán của Công ty T2, làm việc bán thời gian, nhiệm vụ nhận các chứng từ chi phí, hóa đơn đầu vào, xuất hóa đơn giá trị gia tăng, tổng hợp số liệu để báo cáo thuế, báo cáo tài chính cho Công ty trên cơ sở số liệu, chứng từ, sổ sách ghi chép lại của các tổ trưởng, Giám đốc chuyển đến. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, M1 căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do M1 xuất ra, sau đó tính các chi phí như tiền điện, nước, nước uống, đồ vệ sinh, nhân công... để thực hiện hạch toán kê khai thuế và xây dựng báo cáo tài chính. Còn đối với hoạt động kinh doanh không có hóa đơn đầu vào, đầu ra như: Cà phê, sân bóng đá nhân tạo, bể bơi thì M1 không được nhận các phiếu bán hàng, cung cấp dịch vụ cũng như yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên M1 không hạch toán kê khai vào doanh thu, báo cáo tài chính. M1 không biết và không ai chỉ đạo để ngoài sổ sách kế toán một phần doanh thu các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, cà phê, sân bóng đá nhân tạo, bể bơi nhằm mục đích trốn thuế.

Những người làm chứng là bà Đinh Thị D1, ông Nguyễn Hữu N, ông Vũ Đình T1 và ông Nguyễn Viết M2 trong quá trình điều tra trình bày: Các ông, bà là những người được Phạm Ngọc V giao nhiệm vụ là tổ trưởng các dịch vụ kinh doanh nhà nghỉ, sân bóng đá nhân tạo, bể bơi, cà phê trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Ngọc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Khắc M1 và ông Vũ Thanh B.

Đối với ông Vũ Thanh B là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T2, đồng thời là cổ đông góp vốn và đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần T3; ông Nguyễn Viết P1 là cổ đông góp vốn. Kết quả điều tra xác định các ông không biết, không được bàn bạc và không được hưởng lợi từ việc trốn thuế của Phạm Ngọc V. Do đó, Cơ quan điều tra Công an tỉnh L không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông B và ông P1.

Đối với kế toán Nguyễn Khắc M1, thủ quỹ Vũ Thị H; phụ trách các bộ phận kinh doanh là: Đinh Thị D1, Nguyễn Hữu N, Vũ Đình T1, Nguyễn Viết M2. Kết quả điều tra xác định những người nêu trên đều không biết, không được bàn bạc và không tham gia vào việc trốn thuế cùng với Phạm Ngọc V. Do đó, Cơ quan điều tra Công an tỉnh L không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người trên.

Đối với hành vi của Phạm Ngọc V tự ý để ngoài sổ sách kế toán một phần doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích trốn thuế nêu trên. Kết quả điều tra xác định bị cáo Phạm Ngọc V không chiếm đoạt sử dụng cá nhân nên không cấu thành tội phạm khác.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSLC-P1 ngày 17/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo **Phạm Ngọc V** về tội "Trốn thuế" theo điểm b, c khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc V** phạm tội "Trốn thuế".

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc V** từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; miễn các hình phạt bổ sung còn lại cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: Chứng từ doanh thu cà phê, sân bóng nhân tạo, nhà nghỉ của **Công ty T2** năm 2022; chứng từ doanh thu bể bơi tháng 4, 5, 6/2022 của **Công ty T2**; báo cáo tài chính năm 2022; tổng hợp tờ khai thuế.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự Buộc bị cáo **Phạm Ngọc V** phải nộp lại số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích trốn thuế nên trong năm 2022, với cương vị là Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của **Công ty cổ phần T2**, **Phạm Ngọc V** đã thực hiện các hành vi: Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ đối với các dịch vụ nhà nghỉ, bể bơi, cà phê, sân bóng đá nhân tạo nhằm mục đích trốn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý thuế của Nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc trốn thuế là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng cho Cơ quan điều tra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bà nội bị cáo là **Phạm Thị N1** được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và mẹ đẻ là **Nguyễn Thị P** được tặng nhiều Bằng khen. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; các hình phạt bổ sung còn lại miễn cho bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xét thấy các tài liệu, giấy tờ mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án gồm: Chứng từ doanh thu cà phê, sân bóng nhân tạo, nhà nghỉ của **Công ty T2** năm 2022; chứng từ doanh thu bể bơi tháng 4, 5, 6/2022 của **Công ty T2**; báo cáo tài chính năm 2022; tổng hợp tờ khai thuế.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Kiến nghị: **Cục thuế tỉnh L** cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc nộp thuế của các Doanh nghiệp trên địa bàn để tránh xảy ra sai phạm bị xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc V** phạm tội "Trốn thuế".

2. **Về hình phạt:** Phạt bị cáo **Phạm Ngọc V** 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. **Về vật chứng của vụ án:** Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: Chứng từ doanh thu cà phê, sân bóng nhân tạo, nhà nghỉ của **Công ty T2** năm 2022; chứng từ doanh thu bể bơi tháng 4, 5, 6/2022 của **Công ty T2**; báo cáo tài chính năm 2022; tổng hợp tờ khai thuế (hiện đang lưu hồ sơ vụ án).

4. **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo **Phạm Ngọc V** phải nộp lại số tiền trốn thuế là 158.308.443 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu ba trăm linh tám nghìn bốn trăm bốn ba đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa **Công an tỉnh L** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 23/5/2024).*

5. **Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

Phan Thị Phương